

**PHỤ LỤC 1A**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC**  
**TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MINH HÓA**

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc được giao (Không kể HĐ68)			Số lượng người làm việc hiện có (không kể HĐ68)			Số lượng người làm việc được giao chưa tuyển dụng			Chỉ tiêu xét tuyển viên chức		
		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó	
			Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
1	Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa	168	40	128	132	40	92	36		36	12		12



2.4	Trạm Y tế xã Mai Hóa	7	7		7	7							
2.5	Trạm Y tế xã Cao Quảng	5	5		5	5							
2.6	Trạm Y tế xã Ngư Hóa	6	6		6	6		1	1		1	1	
2.7	Trạm Y tế xã Phong Hóa	5	5		5	5							
2.8	Trạm Y tế xã Đức Hóa	7	7		6	6		1	1		1	1	
2.9	Trạm Y tế xã Thạch Hóa	7	7		7	7							
2.10	Trạm Y tế xã Đồng Hóa	6	6		5	5		1	1		1	1	
2.11	Trạm Y tế thị trấn Đồng Lê	5	5		5	5							
2.12	Trạm Y tế xã Sơn Hóa	5	5		5	5							
2.13	Trạm Y tế xã Thuận Hóa	6	6		5	5		1	1		1	1	
2.14	Trạm Y tế xã Lê Hóa	5	5		5	5							
2.15	Trạm Y tế xã Kim Hóa	7	7		7	7							
2.16	Trạm Y tế xã Hương Hóa	5	5		5	5							
2.17	Trạm Y tế xã Thanh Thạch	5	5		4	4		1	1		1	1	
2.18	Trạm Y tế xã Thanh Hóa	6	6		5	5		1	1		1	1	
2.19	Trạm Y tế xã Lâm Hóa	5	5		4	4		1	1		1	1	
<b>Tổng</b>		<b>188</b>	<b>183</b>	<b>5</b>	<b>175</b>	<b>170</b>	<b>5</b>	<b>13</b>	<b>13</b>		<b>11</b>	<b>11</b>	

**PHỤ LỤC 2A**  
**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHỈ TIÊU**  
**XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MINH HÓA**

<b>Mã số dự tuyển</b>	<b>Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển dụng</b>	<b>Vị trí việc làm</b>	<b>Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo yêu cầu</b>
X.1	Bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ Khoa Liên chuyên khoa	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ đa khoa hoặc chuyên ngành nhãn khoa
X.2	Bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ đa khoa hoặc chuyên ngành Hồi sức cấp cứu
X.3	Bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ Khoa Nhi	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ đa khoa hoặc chuyên ngành nhi khoa
X.4	Bác sĩ (hạng III) mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Đại học trở lên, ngành Bác sĩ đa khoa hoặc chuyên ngành xét nghiệm y học
X.5	Điều dưỡng hạng III Mã số V.08.05.12	02	Điều dưỡng Khoa Nội tổng hợp	Đại học trở lên, ngành điều dưỡng đa khoa
X.6	Điều dưỡng hạng III mã số V.08.05.12	01	Kiểm soát nhiễm khuẩn tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đại học trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa
X.7	Điều dưỡng hạng IV Mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Khoa Liên chuyên khoa	Cao đẳng trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa

<b>Mã số dự tuyển</b>	<b>Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển dụng</b>	<b>Vị trí việc làm</b>	<b>Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo yêu cầu</b>
X.8	Điều dưỡng hạng IV Mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Khoa Nội tổng hợp	Cao đẳng trở lên, ngành Điều dưỡng đa khoa
X.9	Kỹ thuật y hạng IV, mã số V.08.07.19	01	Kỹ thuật y Khoa Y học cổ truyền	Cao đẳng trở lên, ngành Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng
X.10	Kế toán viên, mã số 06.031	01	Kế toán thu viện phí tại Phòng Tài chính kế toán	Đại học trở lên, ngành tài chính, kế toán, kiểm toán
X.11	Nhân viên công tác xã hội hạng IV, mã số V.09.04.03	01	Công tác xã hội thuộc Phòng Điều dưỡng	Trung cấp trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội khác phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp tốt nghiệp chuyên ngành khoa học xã hội khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội theo chương trình do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành.

(Gồm có 12 chỉ tiêu/11 vị trí việc làm)

**Ghi chú:**

\* **Tiêu chuẩn về trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ: Thực hiện theo phần III của kế hoạch này.**

\* **Đối với các vị trí tuyển dụng mà tại phần "Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo" có nhiều ngành, chuyên ngành thì thí sinh có tối thiểu 01 ngành hoặc chuyên ngành theo yêu cầu là đủ điều kiện tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn./.**

**PHỤ LỤC 2B**  
**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHỈ TIÊU**  
**XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYẾN HÓA**

<b>Mã số dự tuyển</b>	<b>Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển dụng</b>	<b>Vị trí việc làm</b>	<b>Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo yêu cầu</b>
X.12	Bác sĩ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ Trạm Y tế xã Tiên Hóa	Đại học, ngành Bác sĩ đa khoa
X.13	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và vắc xin sinh phẩm khoa Kiểm soát bệnh tật	Trung cấp, ngành Y sĩ
X.14	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Cơ sở điều trị Methadone	Cao đẳng trở lên, ngành Điều dưỡng
X.15	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III), mã số V.08.02.06	01	Bác sĩ Y học dự phòng Khoa Y tế công cộng	Đại học, ngành Bác sĩ Y học dự phòng, Bác sĩ đa khoa
X.16	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Kiểm soát bệnh tật	Cao đẳng trở lên, ngành Điều dưỡng
X.17	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Đồng Hóa	Cao đẳng trở lên, ngành Điều dưỡng

<b>Mã số dự tuyển</b>	<b>Hạng chức danh nghề nghiệp, mã số chức danh nghề nghiệp</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển dụng</b>	<b>Vị trí việc làm</b>	<b>Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo yêu cầu</b>
X.18	Y sỹ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sỹ Trạm Y tế xã Đức Hóa	Trung cấp, ngành Y sỹ đa khoa
X.19	Dược hạng IV, mã số V.08.08.23	01	Dược sỹ Trạm Y tế xã Lâm Hóa	Cao đẳng trở lên, ngành Dược
X.20	Y sỹ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sỹ Trạm Y tế xã Thanh Hóa	Trung cấp, ngành Y sỹ đa khoa
X.21	Dược hạng IV, mã số V.08.08.23	01	Dược sỹ Trạm Y tế xã Thanh Thạch	Cao đẳng trở lên, ngành Dược
X.22	Y sỹ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sỹ Trạm Y tế xã Thuận Hóa	Trung cấp, ngành Y sỹ đa khoa

*(Gồm có 11 chỉ tiêu/11 vị trí việc làm)*

**Ghi chú:**

\* *Tiêu chuẩn về trình độ tin học, trình độ ngoại ngữ: Thực hiện theo phần III của kế hoạch này.*

\* *Đối với các vị trí tuyển dụng mà tại phần "Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo" có nhiều ngành, chuyên ngành thì thí sinh có tối thiểu 01 ngành hoặc chuyên ngành theo yêu cầu là đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn./.*

**PHỤ LỤC 3A**  
**THỰC TRẠNG VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MINH HÓA**

TT	Danh mục VTVL	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp tối thiểu	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt				Số lượng vi n chức iện có					
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
					Khác	Hạng IV	Hạng II		Hạng II	Khác	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
<b>I</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành</b>			<b>49</b>			<b>45</b>	<b>4</b>	<b>41</b>	<b>4</b>	<b>35</b>	<b>2</b>	
<b>1</b>	<b>Vị trí cấp trưởng đơn vị</b>			<b>1</b>				<b>1</b>	<b>1</b>			<b>1</b>	
1.1	Giám đốc	Giám đốc	Bác sĩ chính hoặc tương đương	1				1	1			1	
<b>2</b>	<b>Vị trí cấp phó đơn vị</b>			<b>2</b>			<b>1</b>	<b>1</b>	<b>2</b>			<b>1</b>	<b>1</b>
2.1	Phó Giám đốc	Phó Giám đốc	Bác sĩ, bác sĩ chính hoặc tương đương	2			1	1	2			1	1
<b>3</b>	<b>Vị trí cấp trưởng các khoa, phòng</b>			<b>17</b>			<b>15</b>	<b>2</b>	<b>17</b>			<b>17</b>	
3.1	Trưởng khoa Khám bệnh	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
3.2	Trưởng khoa Liên chuyên khoa	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1		1			1	
3.3	Trưởng khoa Nội tổng hợp	Trưởng khoa	Bác sĩ chính	1				1	1			1	

3.4	Trưởng khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
3.5	Trưởng khoa Nhi	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
3.6	Trưởng khoa Sản	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
3.7	Trưởng khoa Ngoại	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
3.8	Trưởng khoa Y học cổ truyền	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
3.9	Trưởng khoa Dinh Dưỡng	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1	1			1	
3.10	Trưởng Phòng khám đa khoa khu vực Hóa Tiến	Trưởng phòng khám	Bác sĩ	1			1	1			1	
3.11	Trưởng khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh	Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
3.12	Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Trưởng khoa	Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1	1			1	
3.13	Trưởng khoa Dược	Trưởng khoa	Dược sĩ	1			1	1			1	
3.14	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1	1			1	
3.15	Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Trưởng phòng	Bác sĩ chính hoặc tương đương	1				1	1		1	
3.16	Trưởng phòng Tài chính kế toán	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1	1			1	
3.17	Trưởng phòng Điều dưỡng	Trưởng phòng	Điều dưỡng, Hộ sinh hoặc tương đương	1			1	1			1	
<b>4</b>	<b>Vị trí cấp phó các khoa, phòng</b>			<b>17</b>			<b>17</b>	<b>11</b>			<b>11</b>	
4.1	Phó Trưởng khoa Khám bệnh	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1					
4.2	Phó Trưởng khoa Liên chuyên khoa	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	

4.3	Phó Trưởng khoa Nội tổng hợp	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
4.4	Phó Trưởng khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và Chống độc	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
4.5	Phó Trưởng khoa Nhi	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
4.6	Phó Trưởng khoa Sản	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
4.7	Phó Trưởng khoa Ngoại	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
4.8	Phó Trưởng khoa Y học cổ truyền	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
4.9	Phó Trưởng khoa Dinh Dưỡng	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1					
4.10	Phó Trưởng Phòng khám đa khoa khu vực Hòa Tiên	Phó Trưởng phòng khám	Bác sĩ	1			1	1			1	
4.11	Phó Trưởng khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh	Phó Trưởng khoa	Bác sĩ	1			1	1			1	
4.12	Phó Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Phó Trưởng khoa	Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1					
4.13	Phó Trưởng khoa Dược	Phó Trưởng khoa	Dược sĩ	1			1	1			1	
4.14	Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1					
4.15	Phó Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp	Phó Trưởng phòng	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1					
4.16	Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1	1			1	
4.17	Phó Trưởng phòng Điều dưỡng	Phó Trưởng phòng	Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1					
<b>5</b>	<b>Vị trí việc làm của Điều dưỡng trưởng, Hộ sinh trưởng, Kỹ thuật viên trưởng</b>			<b>12</b>			<b>12</b>	<b>10</b>			<b>4</b>	<b>6</b>
5.1	Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1			1	1			1	

5.2	Điều dưỡng trưởng khoa Liên chuyên khoa	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1		1	1		1		
5.3	Điều dưỡng trưởng khoa Nội tổng hợp	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1		1	1		1		
5.4	Điều dưỡng trưởng khoa Cấp cứu - HSTC và Chống độc	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1		1	1		1		
5.5	Điều dưỡng trưởng khoa Nhi	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1		1	1		1		
5.6	Điều dưỡng trưởng khoa Ngoại	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1		1	1	1			
5.7	Điều dưỡng trưởng khoa Y học cổ truyền	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1		1	1	1			
5.8	Điều dưỡng trưởng khoa Dinh Dưỡng	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1		1					
5.9	Điều dưỡng trưởng Phòng khám ĐKKV Hóa Tiến	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng hoặc Hộ sinh	1		1	1		1		
5.10	Điều dưỡng trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng	1		1					
5.11	Kỹ thuật viên trưởng khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật viên trưởng	Kỹ thuật y	1		1	1		1		
5.12	Hộ sinh trưởng khoa sản	Hộ sinh trưởng	Hộ sinh	1		1	1	1			
<b>II</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp</b>			<b><u>119</u></b>		<b><u>58</u></b>	<b><u>61</u></b>		<b><u>63</u></b>	<b><u>52</u></b>	<b><u>11</u></b>
	<b>Khoa Khám bệnh</b>			<b>7</b>		<b>4</b>	<b>3</b>		<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>
1.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1		1	1		1		
1.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	6	4	2	4		4		
<b>2</b>	<b>Khoa Nội tổng hợp</b>			<b>13</b>		<b>5</b>	<b>8</b>		<b>7</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
2.2	Bác sĩ		Bác sĩ	2		2	2		2		

2.3	Điều dưỡng		Điều dưỡng	11		5	6		5		3	2	
<b>3</b>	<b>Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và chống độc</b>			<b>12</b>		<b>4</b>	<b>8</b>		<b>8</b>		<b>7</b>	<b>1</b>	
3.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2			2		1			1	
3.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	10		4	6		7		7	0	
<b>4</b>	<b>Khoa Nhi</b>			<b>10</b>		<b>5</b>	<b>5</b>		<b>5</b>		<b>3</b>	<b>2</b>	
4.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1						
4.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	9		5	4		5		3	2	
<b>5</b>	<b>Khoa Sản</b>			<b>11</b>		<b>5</b>	<b>6</b>		<b>7</b>		<b>6</b>	<b>1</b>	
5.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1	
5.2	Hộ sinh		Hộ sinh	9		4	5		5		5		
5.3	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1		
<b>6</b>	<b>Khoa Ngoại</b>			<b>13</b>		<b>6</b>	<b>7</b>		<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>	
6.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2			2		1			1	
6.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	11		6	5		6		5	1	
<b>7</b>	<b>Khoa Y học cổ truyền</b>			<b>9</b>		<b>7</b>	<b>2</b>		<b>3</b>		<b>3</b>		
7.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1						
7.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	5		4	1		2		2		

7.3	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y			3			1		1		
<b>8</b>	<b>Khoa Liên chuyên khoa</b>			<b>10</b>		<b>4</b>	<b>6</b>		<b>3</b>		<b>3</b>		
8.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1						
8.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	9		4	5		3		3		
<b>9</b>	<b>Phòng khám đa khoa khu vực Hóa Tiến</b>			<b>9</b>		<b>6</b>	<b>3</b>		<b>4</b>		<b>4</b>		
9.1	Điều dưỡng		Điều dưỡng	6		4	2		3		3		
9.2	Hộ sinh		Hộ sinh	2		1	1						
9.3	Dược		Dược	1		1			1		1		
<b>10</b>	<b>Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh</b>			<b>15</b>		<b>5</b>	<b>10</b>		<b>11</b>		<b>11</b>		
10.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1						
10.2	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y	12		5	7		9		9		
10.3	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2			2		2		2		
<b>11</b>	<b>Khoa Dược</b>			<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>		<b>3</b>		<b>3</b>		
	Dược		Dược, dược sĩ	7		5	2		3		3		
<b>12</b>	<b>Khoa Dinh dưỡng</b>			<b>3</b>		<b>2</b>	<b>1</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
12.1	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1							
12.2	Dinh dưỡng		Dinh dưỡng hoặc tương đương	2		1	1						

<b>III</b>	<b>Tên vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</b>			<b><u>54</u></b>	<b><u>22</u></b>	<b><u>16</u></b>	<b><u>16</u></b>		<b><u>28</u></b>	<b><u>7</u></b>	<b><u>13</u></b>	<b><u>8</u></b>	
<b>1</b>	<b>Phòng Tổ chức – Hành chính</b>			<b>10</b>	<b>7</b>	<b>2</b>	<b>1</b>		<b>1</b>			<b>1</b>	
1.1	Tổ chức nhân sự		Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1	
1.2	Hành chính tổng hợp		Cán sự hoặc tương đương	1		1							
1.3	Văn thư lưu trữ		Văn thư trung cấp hoặc tương đương	1		1							
1.4	Sửa chữa hệ thống điện nước		Nhân viên	2	2								
1.5	Lái xe		Nhân viên	2	2								
1.6	Bảo vệ		Nhân viên	2	2								
1.7	Tạp vụ		Nhân viên	1	1								
<b>2</b>	<b>Phòng Kế hoạch tổng hợp</b>			<b>7</b>		<b>1</b>	<b>6</b>		<b>6</b>		<b>3</b>	<b>3</b>	
2.1	Kế hoạch tổng hợp		Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1	
2.2	Nghiên cứu khoa học và đào tạo		Bác sĩ hoặc bác sĩ y học dự phòng	1			1		1			1	
2.3	Chỉ đạo tuyến		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
2.4	Quản lý chất lượng		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1		1		
2.5	Công nghệ thông tin		Quản trị viên hệ thống	1			1		1			1	
2.6	Lưu trữ, khai thác hồ sơ bệnh án		Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1		1		1		
2.7	Vật tư thiết bị y tế		Kỹ thuật viên hoặc tương đương	1		1			1		1		

<b>3</b>	<b>Phòng Tài chính kế toán</b>			<b>7</b>		<b>2</b>	<b>5</b>		<b>3</b>		<b>1</b>	<b>2</b>	
3.1	Tài chính kế toán		Kế toán viên	2			2						
3.2	Kế toán thu viện phí		Kế toán viên	2			2		1			1	
3.3	Kế toán vật tư, thanh toán, tài sản, tổng hợp, kế toán lương		Kế toán viên, kế toán viên trung cấp	2		1	1		1			1	
3.4	Thủ quỹ		Kế toán viên trung cấp hoặc tương đương	1		1			1		1		
<b>4</b>	<b>Phòng Điều dưỡng</b>			<b>4</b>		<b>2</b>	<b>2</b>		<b>2</b>		<b>1</b>	<b>1</b>	
4.1	Công tác điều dưỡng		Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1						
4.2	Công tác xã hội		Công tác xã hội viên hoặc nhân viên công tác xã hội	3		2	1		2		1	1	
<b>5</b>	<b>Nhân viên hỗ trợ hành chính các khoa</b>			<b>8</b>		<b>8</b>			<b>8</b>		<b>8</b>		
5.1	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa Liên chuyên khoa		Điều dưỡng	1		1			1		1		
5.2	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa Nội tổng hợp		Điều dưỡng	1		1			1		1		
5.3	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực và chống độc		Điều dưỡng	1		1			1		1		
5.4	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa Nhi		Điều dưỡng	1		1			1		1		
5.5	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa Sản		Điều dưỡng hoặc hộ sinh	1		1			1		1		
5.6	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa Ngoại		Điều dưỡng	1		1			1		1		
5.7	Nhân viên hỗ trợ hành chính khoa Y học cổ truyền		Điều dưỡng	1		1			1		1		

5.8	Nhân viên hỗ trợ hành chính Phòng khám đa khoa khu vực Hóa Tiền		Điều dưỡng hoặc hộ sinh	1		1			1		1		
<b>6</b>	<b>Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn</b>			<b>17</b>	<b>14</b>	<b>1</b>	<b>2</b>		<b>7</b>	<b>6</b>		<b>1</b>	
6.1	Kiểm soát nhiễm khuẩn		Điều dưỡng hoặc tương đương	1			1						
6.2	Khử khuẩn, tiệt khuẩn, quản lý đồ vải, vệ sinh môi trường		Điều dưỡng hoặc tương đương	1		1							
6.3	Quản lý, xử lý chất thải y tế		Kỹ sư hoặc tương đương	1			1		1			1	
6.4	Y công		Nhân viên	4	4								
6.5	Hộ lý		Nhân viên	8	8				6	6			
6.6	Lái xe vận chuyển rác thải		Nhân viên	1	1								
6.7	Vệ sinh, chăm sóc bảo vệ cảnh quan, đơn vị		Nhân viên	1	1								
<b>7</b>	<b>Phòng Khám đa khoa khu vực Hóa Tiền</b>			<b>1</b>	<b>1</b>				<b>1</b>	<b>1</b>			
7.1	Hộ lý		Nhân viên	1	1				1	1			
7.2	<b>Tổng cộng</b>			<b>222</b>	<b>22</b>	<b>74</b>	<b>122</b>	<b>04</b>	<b>132</b>	<b>7</b>	<b>69</b>	<b>54</b>	<b>2</b>

**PHỤ LỤC 3B**  
**THỰC TRẠNG VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TUYÊN HÓA**

**PHẦN I. VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI CÁC KHOA, PHÒNG THUỘC TRUNG TÂM**

TT	Danh mục VTVL	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt				Số lượng viên chức hiện có				Ghi chú		
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
					Khác	Hạng IV	Hạng III		Hạng II	Khác	Hạng IV		Hạng III	Hạng II
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành</b>													
<b>Ban Giám đốc</b>				<b>3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3</b>		<b>3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3</b>	<b>-</b>	
1	Giám đốc	Giám đốc	Bác sĩ chính hoặc tương đương	1			1		1			1		
2	Phó Giám đốc	Phó Giám đốc	Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2		
<b>Trưởng, Phó các khoa phòng (Số lượng được phân bổ theo VTVL gắn với hoạt động chuyên môn; gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ)</b>														
3	Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1		
4	Trưởng khoa Kiểm soát bệnh tật	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		

5	Trưởng khoa Cận lâm sàng - Dược	Trưởng khoa	Y tế công cộng hoặc tương đương	1			1		1			1		
6	Trưởng khoa Y tế công cộng	Trưởng khoa	Y tế công cộng hoặc tương đương	1			1		1			1		
7	Trưởng phòng Dân số	Trưởng phòng	Dân số viên	1			1							
8	Trưởng Cơ sở điều trị Methadone	Trưởng cơ sở	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
9	Trưởng khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
10	Phó trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Phó trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	2			2		2			2		
11	Phó trưởng khoa Kiểm soát bệnh tật	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		1			1		
12	Phó trưởng khoa Cận lâm sàng - Dược	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
13	Phó trưởng khoa Y tế công cộng	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
14	Phó trưởng phòng Dân số	Phó trưởng phòng	Dân số viên	2			2		2			2		
15	Phó trưởng Cơ sở điều trị Methadone	Phó trưởng cơ sở	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
16	Phó trưởng khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp</b>			<b>66</b>			<b>37</b>		<b>29</b>			<b>62</b>		<b>35</b> <b>27</b>
<b>1</b>	<b>Khoa Kiểm soát bệnh tật</b>			<b>11</b>			<b>6</b>		<b>5</b>			<b>10</b>		<b>5</b> <b>5</b>
1.1	Bác sĩ		Bác sĩ	3			3		3			3		

1.2	Bác sĩ Y học dự phòng		Bác sĩ Y học dự phòng	2		2		2		2		
1.3	Y sĩ		Y sĩ	1	1			1		1		
1.4	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1	1			1		1		01 nghỉ hưu tháng 5/2021
1.5	Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS		Y sĩ hoặc tương đương	1	1			1		1		
1.6	Kiểm soát BTN và vắc xin sinh phẩm		Y sĩ hoặc tương đương	2	2			1		1		
1.7	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm		Y sĩ	1	1			1		1		
1.8	Chỉ đạo tuyến (kiêm nhiệm)		Bác sĩ hoặc tương đương									
<b>2</b>	<b>Khoa Cận lâm sàng - Dược</b>			<b>9</b>	<b>3</b>	<b>6</b>		<b>8</b>		<b>3</b>	<b>5</b>	
2.1	Bác sĩ		Bác sĩ hoặc tương đương	1		1						
2.2	Y tế công cộng		Y tế công cộng	1		1		1			1	
2.3	Kỹ thuật Y		Kỹ thuật y	2		2		2			2	
2.4	Tư vấn xét nghiệm (kiêm nhiệm)		Kỹ thuật y									
2.5	Dược, Dược sỹ		Dược	5	3	2		5		3	2	
<b>3</b>	<b>Khoa Y tế công cộng</b>			<b>8</b>	<b>4</b>	<b>4</b>		<b>7</b>		<b>4</b>	<b>3</b>	

3.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
3.2	Bác sĩ Y học dự phòng		Bác sĩ Y học dự phòng	1			1							
3.3	Y tế công cộng		Y tế công cộng	1			1		1			1		
3.4	Dinh dưỡng (kiêm nhiệm)		Dinh dưỡng hoặc tương đương											
3.5	Quản lý sức khỏe trẻ em và phòng chống SDD		Y sĩ	1		1			1			1		
3.6	Quản lý chương trình SKCD (kiêm nhiệm)		Y sĩ hoặc tương đương											
3.7	Truyền thông giáo dục sức khỏe		Y tế công cộng hoặc tương đương	1			1		1			1		
3.8	An toàn thực phẩm		Y sĩ	3		3			3			3		
<b>4</b>	<b>Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản</b>			<b>7</b>		<b>4</b>	<b>3</b>		<b>7</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	
4.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2			2		2			2		
4.2	Y sĩ		Y sĩ	1		1			1			1		
4.3	Hộ sinh		Hộ sinh	1			1		1			1		
4.4	Đ ều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1			1		
4.5	Chăm sóc sức khỏe sinh sản		Hộ sinh hoặc tương đương	2		2			2			2		
<b>5</b>	<b>Cơ sở điều trị Methadone</b>			<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		<b>5</b>			<b>4</b>	<b>1</b>	
5.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
5.2	Y sĩ		Y sĩ	2		2			2			2		

5.3	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1							
5.4	Dược		Dược	1		1		1		1			
5.5	Kỹ thuật Y		Kỹ thuật Y	1		1		1		1			
<b>6</b>	<b>Phòng Dân số</b>			<b>25</b>		<b>15</b>	<b>10</b>		<b>25</b>		<b>15</b>	<b>10</b>	
6.1	Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại Trung tâm		Dân số viên	6		3	3		6		3	3	
6.2	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Văn Hóa		Dân số viên	1			1		1			1	
6.3	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Tiến Hóa		Dân số viên	1		1			1		1		
6.4	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Châu Hóa		Dân số viên	1			1		1			1	
6.5	Công tác Dân số - KHHGD tại thị trấn Đồng Lê		Dân số viên	1		1			1		1		
6.6	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Mai Hóa		Dân số viên	1		1			1		1		
6.7	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Cao Quảng		Dân số viên	1		1			1		1		
6.8	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Ngư Hóa		Dân số viên	1			1		1			1	
6.9	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Đồng Hóa		Dân số viên	1			1		1			1	
6.10	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Phong Hóa		Dân số viên	1			1		1			1	
6.11	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Đức Hóa		Dân số viên	1		1			1		1		
6.12	Công tác Dân số - KHHGD tại xã Thạch Hóa		Dân số viên	1		1			1		1		



1.6	Văn thư lưu trữ		Văn thư	1			1						
1.7	Vật tư trang thiết bị		Kỹ thuật viên hoặc tương đương	1		1			1		1		
1.8	Công nghệ thông tin		Quản trị viên hệ thống	1		1							
1.9	Y công (HD68)		Nhân viên	1	1								
1.10	Lái xe (HD68)		Lái xe	2	2								
1.11	Sửa chữa điện nước (kiêm nhiệm)		Nhân viên										
<b>Tổng số</b>				<b>81</b>	<b>3</b>	<b>39</b>	<b>39</b>		<b>72</b>		<b>36</b>	<b>36</b>	

**PHẦN II. VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN THUỘC TRUNG TÂM**

TT	Danh mục VTVL	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt				Số lượng viên chức hiện có				Ghi chú		
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
					Khác	Hạng IV	Hạng III		Hạng II	Khác	Hạng IV		Hạng III	Hạng II
<b>A</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành (Số lượng phân bổ tại VTVL gắn với hoạt động nghề nghiệp)</b>													
<b>I</b>	<b>Trưởng trạm Y tế</b>			<b>19</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	
1	Trưởng trạm Y tế xã Văn Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		
2	Trưởng trạm Y tế xã Tiến Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1		

3	Trưởng trạm Y tế xã Châu Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
4	Trưởng trạm Y tế xã Cao Quảng	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
5	Trưởng trạm Y tế xã Mai Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
6	Trưởng trạm Y tế xã Ngư Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
7	Trưởng trạm Y tế xã Phong Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
8	Trưởng trạm Y tế xã Đức Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đ ồng	1		1	1			1		
9	Trưởng trạm Y tế xã Thạch Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
10	Trưởng trạm Y tế xã Đồng Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
11	Trưởng trạm Y tế thị trấn Đồng Lê	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đ ồng	1		1	1			1		
12	Trưởng trạm Y tế xã Sơn Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
13	Trưởng trạm Y tế xã Thuận Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
14	Trưởng trạm Y tế xã Lê Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
15	Trưởng trạm Y tế xã Kim Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
16	Trưởng trạm Y tế xã Hương Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
17	Trưởng trạm Y tế xã Thanh Thạch	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
18	Trưởng trạm Y tế xã Thanh Hóa	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1		1	1			1		
19	Trưởng trạm Y tế xã Lâm	Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc	1		1	1			1		

	Hóa		trương đương											
<b>II</b>	<b>Phó Trưởng trạm Y tế</b>			<b>19</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
1	Phó Trưởng trạm Y tế xã Văn Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
2	Phó Trưởng trạm Y tế xã Tiên Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
3	Phó Trưởng trạm Y tế xã Châu Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
4	Phó Trưởng trạm Y tế xã Mai Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
5	Phó Trưởng trạm Y tế xã Cao Quảng	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
6	Phó Trưởng trạm Y tế xã Ngư Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
7	Phó Trưởng trạm Y tế xã Phong Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
8	Phó Trưởng trạm Y tế xã Đức Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
9	Phó Trưởng trạm Y tế xã Thạch Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
10	Phó Trưởng trạm Y tế xã Đồng Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
11	Phó Trưởng trạm Y tế thị trấn Đồng Lê	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
12	Phó Trưởng trạm Y tế xã Sơn Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
13	Phó Trưởng trạm Y tế xã Thuận Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
14	Phó Trưởng trạm Y tế xã Lê Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
15	Phó Trưởng trạm Y tế xã Kim Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							

16	Phó Trưởng trạm Y tế xã Hương Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
17	Phó Trưởng trạm Y tế xã Thanh Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
18	Phó Trưởng trạm Y tế xã Thanh Thạch	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
19	Phó Trưởng trạm Y tế xã Lâm Hóa	Phó Trưởng trạm	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1							
<b>B</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp</b>			<b>110</b>	<b>0</b>	<b>87</b>	<b>23</b>	<b>0</b>	<b>103</b>	<b>0</b>	<b>81</b>	<b>22</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Trạm Y tế xã Văn Hóa</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
<b>2</b>	<b>Trạm Y tế xã Tiến Hóa</b>			<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>		<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	2			2		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			

<b>3</b>	<b>Trạm Y tế xã Châu Hóa</b>			<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
<b>4</b>	<b>Trạm Y tế xã Mai Hóa</b>			<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>		<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		1	1		2		1	1		
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
<b>5</b>	<b>Trạm Y tế xã Cao Quảng</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			

	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
<b>6</b>	<b>Trạm Y tế xã Ngư Hóa</b>			<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		
	Bác sĩ đa khoa		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Bác sĩ y học cổ truyền		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1			
<b>7</b>	<b>Trạm Y tế xã Phong Hóa</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1			
<b>8</b>	<b>Trạm Y tế xã Đức Hóa</b>			<b>7</b>		<b>6</b>	<b>1</b>		<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1		
	Dược		Dược	1		1			1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			2		2			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1			

	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1							
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>9</b>	<b>Trạm Y tế xã Thạch Hóa</b>			<b>7</b>		<b>6</b>	<b>1</b>		<b>7</b>		<b>6</b>	<b>1</b>	
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1	
	Dược		Dược	1		1			1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			2		2		
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1		
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1		
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1		
<b>10</b>	<b>Trạm Y tế xã Đồng Hóa</b>			<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1	
	Dược		Dược	1		1			1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2			1		1		
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1		
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1		
<b>11</b>	<b>Trạm Y tế thị trấn Đồng Lê</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1	
	Dược		Dược	1		1			1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1		

	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>12</b>	<b>Trạm Y tế xã Sơn Hóa</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Dược		Dược	1		1		1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>13</b>	<b>Trạm Y tế xã Thuận Hóa</b>			<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>	<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Dược		Dược	1		1		1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1							
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>14</b>	<b>Trạm Y tế xã Lê Hóa</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Dược		Dược	1		1		1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1			

	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>15</b>	<b>Trạm Y tế xã Kim Hóa</b>			<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>	<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>		
	Bác sĩ y học cổ truyền		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Bác sĩ đa khoa		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Dược		Dược	1		1		1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2		2		2			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>16</b>	<b>Trạm Y tế xã Hương Hóa</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Dược		Dược	1		1		1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>17</b>	<b>Trạm Y tế xã Thanh Thạch</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	<b>4</b>		<b>3</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Dược		Dược	1		1							
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1			

	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>18</b>	<b>Trạm Y tế xã Thanh Hóa</b>			<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>	<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Dược		Dược	1		1		1		1			
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1							
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>19</b>	<b>Trạm Y tế xã Lâm Hóa</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	<b>4</b>		<b>3</b>	<b>1</b>		
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1	1			1		
	Dược		Dược	1		1							
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1			
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1			
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1			
<b>Tổng</b>				<b>191</b>	<b>3</b>	<b>126</b>	<b>62</b>	<b>175</b>		<b>117</b>	<b>58</b>		

#### PHỤ LỤC 4

#### **Danh mục tài liệu và văn bản phòng vấn, thi môn nghiệp vụ chuyên ngành tại vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức**

##### **1. Vị trí việc làm: Bác sĩ Khoa Liên chuyên khoa (Mã dự tuyển X.1)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Tài liệu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Nhân khoa ban hành kèm theo Quyết định số 3906/QĐ-BYT ngày 12/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

##### **2. Vị trí việc làm: Bác sĩ Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và chống độc (Mã dự tuyển X.2)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “ Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hồi sức, cấp cứu và chống độc ban hành kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-BYT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Quy chế Hồi sức, cấp cứu và chống độc ban hành kèm theo Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT ngày 21/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

##### **3. Vị trí việc làm: Bác sĩ Khoa Nhi (Mã dự tuyển X.3)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “ Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hồi sức, cấp cứu và chống độc ban hành kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-BYT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Quy chế Hồi sức, cấp cứu và chống độc ban hành kèm theo Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT ngày 21/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

#### **4. Vị trí việc làm: Bác sĩ Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh (Mã dự tuyển X.4)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “ Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh” ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-SYT ngày 23/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hóa sinh” ban hành kèm theo Quyết định số 7034/QĐ-SYT ngày 21/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

#### **5. Vị trí việc làm: Điều dưỡng khoa Nội tổng hợp (Mã dự tuyển X.5, X.8); Điều dưỡng khoa Liên chuyên khoa (Mã dự tuyển X.7); Điều dưỡng Cơ sở Methadone (Mã dự tuyển X.14); Điều dưỡng khoa Kiểm soát bệnh tật (X.16); Điều dưỡng Trạm Y tế xã Đồng Hóa (X.17).**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử lý phản vệ.

- Hướng dẫn Quy trình chăm sóc người bệnh tập 1 ban hành kèm theo Quyết định số 940/2002/QĐ-BYT ngày 22/3/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Hướng dẫn Quy trình chăm sóc người bệnh tập 2 ban hành kèm theo Quyết định số 1108/2004/QĐ-BYT ngày 29/3/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Hướng dẫn tiêm an toàn trong các cơ sở khám bệnh chữa bệnh ban hành kèm theo Quyết định số: 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám chữa bệnh.

#### **6. Vị trí việc làm: Kiểm soát nhiễm khuẩn tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (Mã dự tuyển X.6)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

- Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- “Hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” ban hành kèm theo Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017.

- Hướng dẫn khử khuẩn tiệt khuẩn dụng cụ trong khám bệnh chữa bệnh ban hành kèm theo Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/09/2012 của Bộ Y tế

- Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTTTT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định về quản lý chất thải y tế.

#### **7. Vị trí việc làm: Kỹ thuật y Khoa Y học cổ truyền (Mã dự tuyển X.9)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Tài liệu “Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Phục hồi chức năng” ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-BYT ngày 06/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Phục hồi chức năng ban hành kèm theo Quyết định số 5737/QĐ-BYT ngày 22/12/2017.

- Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

#### **8. Vị trí việc làm: Kế toán thu viện phí tại Phòng Tài chính kế toán (Mã dự tuyển X.10)**

- Luật Kế toán số 88/2015/QH-13

- Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán

- Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

- Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Thông tư 68/2019/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

- Văn bản số 21/VBHN-BTC hợp nhất Thông tư định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước

#### **9. Vị trí việc làm: Công tác xã hội thuộc Phòng Điều dưỡng (Mã dự tuyển X.11)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Thông tư số 43/2015/TT-BYT ngày 26/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện.

- Thông tư số 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế về việc Quy định về Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế.

- Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/09/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xã hội.

#### **10. Vị trí việc làm: Bác sĩ Trạm Y tế xã Tiến Hóa (Mã dự tuyển X.12)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Tài liệu chuyên môn hướng dẫn khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, phường ban hành kèm theo Quyết định số 2919/QĐ-BYT ngày 06/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm ban hành kèm theo Quyết định số 5642/QĐ-BYT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

#### **11. Vị trí việc làm: Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và vắc xin sinh phẩm Khoa Kiểm soát bệnh tật (Mã dự tuyển X.13)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/01/2007.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư số 38/2017/TT-BYT ngày 17/10/2017 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục bệnh truyền nhiễm, phạm vi và đối tượng phải sử dụng, vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc.

**12. Vị trí việc làm: Bác sĩ Y học dự phòng khoa Y tế công cộng (Mã dự tuyển X.15).**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/01/2007.

- Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Thông tư số 23/2017/TT-BYT ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng.

- “Hướng dẫn tạm thời giám sát và phòng, chống COVID-19” ban hành kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BYT ngày 07/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**13. Vị trí việc làm: Y sĩ Trạm Y tế xã Đức Hóa (Mã dự tuyển X.18); Y sĩ Trạm Y tế xã Thanh Hóa (Mã dự tuyển X.20); Y sĩ Trạm Y tế xã Thuận Hóa (Mã dự tuyển X.22)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Tài liệu chuyên môn hướng dẫn khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, phường ban hành kèm theo Quyết định số 2919/QĐ-BYT ngày 06/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 Thông tư quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám chữa bệnh.

**14. Vị trí việc làm: Dược sĩ Trạm Y tế xã Lâm Hóa (Mã dự tuyển X.19); Dược sĩ Trạm Y tế xã Thanh Thạch (Mã dự tuyển X.21)**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Dược số 105/2016/QH13.

- Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật dược và Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

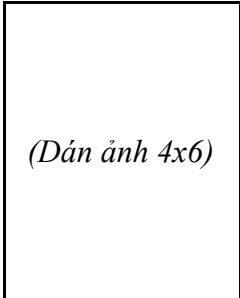
- Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa dược bệnh viện.

- Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh./.

(Mẫu đăng ký dự tuyển theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP )  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....



**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

**Vị trí dự tuyển** <sup>(1)</sup>: .....

**Đơn vị dự tuyển** <sup>(2)</sup>: .....

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên: .....
Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam <sup>(3)</sup> <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/>
Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....
Số CMND hoặc Thẻ CCCD: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
Số điện thoại di động để báo tin: ..... Email: .....
Quê quán <sup>(4)</sup> : .....
Hộ khẩu thường trú <sup>(5)</sup> : .....
Chỗ ở hiện nay (để báo tin): .....
Tình trạng sức khỏe <sup>(6)</sup> : ....., Chiều cao: ....., Cân nặng: ..... kg
Thành phần bản thân hiện nay <sup>(7)</sup> : .....
Trình độ văn hóa <sup>(8)</sup> : .....
Trình độ chuyên môn <sup>(9)</sup> : .....

**II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH** <sup>(10)</sup>

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội .....

### III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO <sup>(11)</sup>

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

### IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC <sup>(12)</sup> (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

### V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC <sup>(13)</sup>

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do: .....

Miễn thi tin học do: .....

### VI. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ <sup>(14)</sup>

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm tại Thông báo tuyển dụng. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ: .....

### VII. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN <sup>(15)</sup> (nếu có)

.....  
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

## NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

### **Ghi chú:**

- (1). Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2). Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3). Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.
- (4). Khai theo Giấy khai sinh.
- (5). Khai theo sổ hộ khẩu.
- (6). Theo kết luận của Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng theo qui định.
- (7). Cán bộ hoặc công chức/viên chức/lao động hợp đồng/chưa có việc làm.
- (8). Hệ 12/12 hoặc hệ 10/10
- (9). Khai theo văn bằng chuyên môn phù hợp với vị trí đăng ký dự tuyển.
- (10). Khai các mối quan hệ: cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển và bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi.
- (11). Khai các thông tin theo văn bằng, chứng chỉ đào tạo đã được cấp theo yêu cầu của vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.
- (12). Khai về quá trình công tác sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông đến thời điểm nộp phiếu đăng ký dự tuyển.
- (13): Thí sinh để trống mục này.
- (14): Thí sinh để trống mục này.
- (15). Ghi đúng đối tượng ưu tiên theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (nếu có)/.

(Mẫu đăng ký dự tuyển theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

<i>(Dán ảnh 4 x 6)</i>	Vị trí dự tuyển <sup>(1)</sup> : .....
	Đơn vị dự tuyển <sup>(2)</sup> : .....

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên: .....	Ngày sinh .....	Nam <input type="checkbox"/>	Nữ <input type="checkbox"/>
Dân tộc: .....	Tôn giáo: .....		
Số CMTND: .....	Ngày cấp: .....	Nơi cấp: .....	
Điện thoại liên hệ để báo tin: .....			
Email: .....			
Quê quán: .....			
Hộ khẩu thường trú: .....			
Chỗ ở hiện nay (để báo tin): .....			
Tình trạng sức khỏe: ....., Chiều cao ....., Cân nặng: ..... kg			
Thành phần bản thân hiện nay: .....			
Trình độ văn hóa: .....			
Trình độ chuyên môn cao nhất: ..... Loại hình đào tạo: .....			

**II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH**

1. Bố mẹ:

- Họ và tên bố: ..... Tuổi: ..... Nghề nghiệp: .....

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu? .....

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu? .....

.....  
Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu? (Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hiện nay đang làm (nếu có))  
.....

.....  
- Họ và tên mẹ: ..... Tuổi:..... Nghề nghiệp: .....  
Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu? .....  
.....

.....  
Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?.....  
.....

.....  
Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu? (Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hiện nay đang làm (nếu có))  
.....

2. Anh, chị, em ruột:

- Họ và tên: ..... Tuổi:.....

- Nghề nghiệp:.....

- Nơi làm việc: .....

- Chỗ ở hiện nay: .....

3. Vợ hoặc chồng:

- Họ và tên: ..... Tuổi:.....

- Nghề nghiệp: .....

- Nơi làm việc: .....

- Chỗ ở hiện nay: .....

4. Các con:

- Họ và tên: ..... Tuổi:.....

- Nghề nghiệp: .....

- Nơi làm việc: .....

- Chỗ ở hiện nay: .....

### III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (NẾU CÓ)

### IV. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo <sup>(3)</sup>	Xếp loại bằng /Chứng chỉ

## V. THÀNH TÍCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

STT	Tên cuộc thi, công trình nghiên cứu	Thời gian <sup>(4)</sup>	Kết quả cuộc thi, công trình nghiên cứu <sup>(5)</sup>	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ và tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai thông tin không đúng sự thật./.

### NGƯỜI VIẾT PHIẾU

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

-----

<sup>(1)</sup> Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

<sup>(2)</sup> Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thông báo tuyển dụng (đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng).

<sup>(3)</sup> Ghi rõ hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, đào tạo từ xa, bồi dưỡng... /Văn bằng TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư.../Chúng chỉ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

<sup>(4)</sup> Ghi rõ thời gian tham gia cuộc thi, thời gian thực hiện công trình nghiên cứu.

<sup>(5)</sup> Ghi rõ đã đạt giải thưởng gì trong các cuộc thi; công trình nghiên cứu khoa học và được cấp nào công nhận; kết quả nghiên cứu khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành nào ở trong hoặc ngoài nước.